

Số: 85/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân
và xử lý phạm nhân vi phạm

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 170/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân và xử lý phạm nhân vi phạm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ khen thưởng đối với phạm nhân, tổ, đội phạm nhân; trình tự, thủ tục, hồ sơ xử lý phạm nhân vi phạm; công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ; việc quản lý, lưu trữ hồ sơ, cập nhật dữ liệu về khen thưởng, xử lý phạm nhân vi phạm tại cơ sở giam giữ phạm nhân do Công an nhân dân quản lý.

2. Thông tư này không áp dụng đối với phạm nhân là người chưa thành niên.

Điều 2. Nguyên tắc khen thưởng đối với phạm nhân, tổ, đội phạm nhân và xử lý phạm nhân vi phạm

1. Việc khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân và xử lý phạm nhân vi phạm phải bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, hồ sơ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Việc khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân phải căn cứ vào kết quả chấp hành án phạt tù, tính chất, mức độ thành tích trong học tập, lao động hoặc lập công; bảo đảm tương xứng với thành tích, có tác dụng giáo dục, động viên phạm nhân cải tạo tiến bộ.

3. Một thành tích chỉ được xem xét khen thưởng một lần bằng một hình thức khen thưởng phù hợp; trường hợp phạm nhân, tổ, đội phạm nhân có nhiều thành tích trong cùng một phong trào thì xem xét khen thưởng chung trên cơ sở thành tích tiêu biểu nhất.

4. Việc xử lý phạm nhân vi phạm phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả, nguyên nhân, động cơ, mục đích, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và yêu cầu giáo dục cải tạo phạm nhân. Trường hợp chưa đến mức xử lý kỷ luật thì xem xét áp dụng hình thức xử lý khác theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 170/2026/NĐ-CP.

5. Nghiêm cấm lợi dụng việc khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân và xử lý phạm nhân vi phạm để vụ lợi, trù dập, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của phạm nhân hoặc làm sai lệch kết quả quản lý, giáo dục phạm nhân.

Điều 3. Lập, đăng ký, quản lý, lưu trữ hồ sơ

Việc lập, đăng ký, quản lý, lưu trữ hồ sơ chuyên đề nghiệp vụ khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân, xử lý phạm nhân vi phạm, công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ được thực hiện theo quy định về công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Điều 4. Quản lý, cập nhật dữ liệu khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân và xử lý phạm nhân vi phạm

1. Trại giam, trại tạm giam có trách nhiệm cập nhật, quản lý, khai thác và bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời đối với dữ liệu về khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân và xử lý phạm nhân vi phạm trên hệ thống phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu thi hành án hình sự theo phân cấp quản lý, bảo đảm an ninh dữ liệu và chỉ khai thác, sử dụng đúng mục đích công tác theo quy định.

2. Dữ liệu về khen thưởng, xử lý phạm nhân vi phạm là một thành phần của hồ sơ quản lý, giáo dục, đánh giá quá trình chấp hành án của phạm nhân; được sử dụng phục vụ công tác theo dõi, nhận xét, đánh giá, xếp loại chấp hành án phạt tù, xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, đặc xá và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

KHEN THƯỞNG PHẠM NHÂN, TỔ, ĐỘI PHẠM NHÂN

Điều 5. Điều kiện, tiêu chuẩn

1. Phạm nhân có thành tích trong lao động, học tập hoặc lập công thì được xem xét khen thưởng vào dịp sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua do trại giam, trại tạm giam phát động hoặc có thành tích xuất sắc trong các hội thao, hội thi, hội diễn cụ thể như sau:

a) Phạm nhân có quý I, II được xếp loại chấp hành án phạt tù loại tốt thì được xem xét, đề nghị khen thưởng vào dịp sơ kết phong trào thi đua chấp hành án phạt tù 06 tháng đầu năm;

b) Phạm nhân có 04 quý trong năm đều xếp loại tốt thì được xem xét, đề nghị khen thưởng vào dịp tổng kết phong trào thi đua chấp hành án phạt tù năm đó;

c) Phạm nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đạt giải thưởng trong hội thi, hội thao, hội diễn do trại giam, trại tạm giam phát động hoặc lập công hoặc giúp trại giam, trại tạm giam phát hiện, ngăn chặn được hành vi vi phạm Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân nhưng chưa đến mức được coi là lập công thì được xem xét, đề nghị khen thưởng ngay sau khi kết thúc hội thao, hội thi, hội diễn hoặc sau khi có căn cứ xác định thành tích.

2. Tổ, đội phạm nhân được xem xét, đề nghị khen thưởng khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân;

b) Không có: phạm nhân phạm tội mới; phạm nhân chết không do nguyên nhân bệnh lý; phạm nhân xếp loại kém; phạm nhân vi phạm bị xử lý kỷ luật;

c) Phạm nhân trong tổ, đội tự giác, gương mẫu, tích cực trong học tập, tham gia các hoạt động giáo dục, lao động, học nghề, hoàn thành chỉ tiêu, định mức, tiến độ kế hoạch lao động hoặc công việc được giao; thực hiện tốt các quy định lễ tiết, tác phong, văn hóa, giao tiếp, ứng xử, trật tự nội vụ nếp sống, sinh hoạt, vệ sinh, bảo vệ môi trường; tích cực tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;

d) Tỷ lệ phạm nhân xếp loại khá, tốt đạt từ 90% trở lên.

3. Tỷ lệ tổ, đội phạm nhân được khen thưởng không vượt quá 15% tổng số tổ, đội phạm nhân của trại giam, trại tạm giam.

4. Đối với những tổ, đội phạm nhân giam giữ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Thi hành án hình sự được xét, đề nghị khen thưởng khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này và có số lượng phạm nhân vi phạm kỷ luật và xếp loại kém không quá 01 phạm nhân; tỷ lệ phạm nhân xếp loại khá, tốt từ 85% trở lên.

5. Trường hợp tổ, đội phạm nhân trong kỳ xét khen thưởng mà có phạm nhân phạm tội mới hoặc có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật, xếp loại kém đã điều chuyển đến tổ, đội phạm nhân khác thì tính vào thành tích của tổ, đội phạm nhân nơi phạm nhân có hành vi vi phạm hoặc bị xếp loại kém, không tính vào tổ, đội tiếp nhận phạm nhân.

Đối với trường hợp phạm nhân bị xếp loại kém nhưng không phải do phạm tội mới hoặc có hành vi vi phạm trong kỳ xét khen thưởng, trong thời gian chấp hành án phạt tù thì không tính vào thành tích chung của tổ, đội phạm nhân.

6. Việc thưởng tiền hoặc hiện vật cho phạm nhân, tổ, đội phạm nhân do Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh quyết định căn cứ vào quỹ khen thưởng hiện có của đơn vị, tính chất, mức độ thành tích và không vượt quá mức quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 170/2026/NĐ-CP.

Tiền thưởng được chuyển vào lưu ký để phạm nhân sử dụng theo quy định; hiện vật thưởng phải phù hợp với nhu cầu sinh hoạt, học tập, giáo dục cải tạo của phạm nhân.

Điều 6. Hội đồng xét khen thưởng đối với phạm nhân, tổ, đội phạm nhân và Tiểu ban xét, đề nghị khen thưởng đối với phạm nhân, tổ, đội phạm nhân

1. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an quyết định thành lập Hội đồng xét khen thưởng đối với phạm nhân, tổ, đội phạm nhân (sau đây gọi là Hội đồng). Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám thị;

b) Ủy viên thường trực là Phó Giám thị phụ trách công tác giáo dục, hồ sơ (đối với trại giam), là Phó Giám thị phụ trách phân trại quản lý phạm nhân (đối với trại tạm giam thuộc Bộ Công an);

c) Ủy viên, Thư ký là Đội trưởng Đội Giáo dục và hồ sơ (đối với trại giam), là Đội trưởng Đội Tham mưu (đối với trại tạm giam thuộc Bộ Công an);

d) Ủy viên khác gồm các Phó Giám thị, các Đội trưởng, các Trưởng phân trại.

2. Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh;

b) Ủy viên thường trực là Phó Thủ trưởng thường trực Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh;

c) Ủy viên, Thư ký là Đội trưởng Đội hướng dẫn thi hành án hình sự và hòa nhập cộng đồng;

d) Ủy viên khác gồm Giám thị trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh.

3. Giám thị trại giam quyết định thành lập ở mỗi phân trại một Tiểu ban xét, đề nghị khen thưởng (sau đây gọi là Tiểu ban). Thành phần Tiểu ban gồm:

a) Trưởng Tiểu ban là Phó Giám thị được giao phụ trách phân trại;

b) Ủy viên thường trực là Trưởng phân trại;

c) Các ủy viên khác gồm: các Phó Trưởng phân trại; đại diện các Tổ trình sát, trực trại; Tổ quản giáo, Tổ kế hoạch hướng nghiệp dạy nghề và xây dựng; chỉ huy Trung đội bảo vệ;

d) Tổ trưởng Giáo dục, y tế và bảo vệ môi trường là Ủy viên, Thư ký.

4. Giám thị trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh quyết định thành lập Tiểu ban tại phân trại quản lý phạm nhân. Thành phần Tiểu ban gồm:

a) Trưởng tiểu ban là Giám thị trại tạm giam;

b) Ủy viên thường trực là Phó Giám thị phụ trách phân trại quản lý phạm nhân;

c) Các ủy viên khác gồm: Trưởng phân trại quản lý phạm nhân; các Phó Trưởng phân trại; 01 cán bộ trực trại; 01 cán bộ quản giáo; 01 cán bộ bảo vệ;

d) Cán bộ giáo dục làm Ủy viên, Thư ký.

5. Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an quyết định thành lập Tiểu ban. Thành phần Tiểu ban gồm:

a) Trưởng Tiểu ban là Phó Giám thị phụ trách phân trại quản lý phạm nhân;

b) Ủy viên thường trực là Đội trưởng Đội quản lý và giáo dục phạm nhân hoặc Trưởng phân trại quản lý phạm nhân;

c) Các ủy viên khác gồm: các Phó Đội trưởng; Phó Trưởng phân trại; 01 cán bộ quản giáo; 01 cán bộ trình sát; 01 cán bộ trực trại; 01 cán bộ bảo vệ;

d) Đội trưởng Đội Tham mưu làm Ủy viên, Thư ký.

6. Trường hợp trại giam, trại tạm giam không tổ chức phân trại hoặc chưa bố trí đủ chức danh quy định tại Điều này thì người có thẩm quyền thành lập Hội đồng, Tiểu ban quyết định thành phần tham gia phù hợp với tổ chức bộ máy thực tế.

7. Hội đồng, Tiểu ban làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Cuộc họp Hội đồng, Tiểu ban phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự; nội dung đề nghị khen thưởng được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý.

8. Cuộc họp Hội đồng, Tiểu ban phải được lập biên bản, ghi rõ thành phần tham dự, nội dung xét, ý kiến của thành viên, kết quả biểu quyết và danh sách phạm nhân, tổ, đội phạm nhân được đề nghị khen thưởng hoặc không được đề nghị khen thưởng.

9. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì người có thẩm quyền thành lập Hội đồng giao Ủy viên thường trực Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Trường hợp thành viên Hội đồng, Tiểu ban vắng mặt thì người có thẩm quyền thành lập Hội đồng, Tiểu ban quyết định bổ sung, thay thế thành viên để bảo đảm việc xét khen thưởng được thực hiện kịp thời, khách quan, đúng quy định.

Điều 7. Trình tự, thủ tục khen thưởng đối với phạm nhân, tổ, đội phạm nhân; công bố quyết định khen thưởng

1. Căn cứ kết quả chấp hành án phạt tù, thành tích trong lao động, học tập hoặc việc lập công của phạm nhân; thành tích trong lao động, học tập của tổ, đội phạm nhân, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân lập báo cáo đề xuất khen thưởng.

2. Đối với khen thưởng phạm nhân, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân tổ chức họp tổ, đội phạm nhân để phạm nhân được đề nghị khen thưởng báo cáo thành tích; các phạm nhân trong tổ, đội tham gia ý kiến, biểu quyết bằng hình thức giơ tay và phải được ít nhất từ trên 50% tổng số phạm nhân tham gia họp nhất trí. Biên bản họp phải ghi rõ số phạm nhân tham dự, ý kiến tham gia, kết quả biểu quyết và danh sách phạm nhân được đề nghị khen thưởng.

Trường hợp ở phân trại tạm giam không bố trí được tổ, đội phạm nhân mà có phạm nhân đủ điều kiện được đề nghị khen thưởng thì cán bộ phụ trách phạm nhân đó lập danh sách đề nghị khen thưởng trình Giám thị trại tạm giam báo cáo Hội đồng, xét, quyết định.

Trường hợp phạm nhân không biết chữ, khuyết tật, già yếu, là người nước ngoài không biết tiếng Việt hoặc vì lý do khách quan khác không tự viết được báo cáo thành tích thì được nhờ người khác viết hộ; người viết hộ phải đọc lại cho phạm nhân nghe, phạm nhân ký tên hoặc điểm chỉ, cán bộ phụ trách tổ, đội xác nhận.

3. Đối với khen thưởng tổ, đội phạm nhân, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân tổ chức họp tổ, đội để đánh giá thành tích, thống nhất đề nghị khen thưởng. Biên bản họp phải ghi rõ thành tích của tổ, đội, số phạm nhân tham dự, ý kiến tham gia và kết quả biểu quyết.

4. Sau cuộc họp tổ, đội, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi Tiểu ban. Hồ sơ gồm báo cáo thành tích, biên bản họp tổ, đội, danh sách đề nghị khen thưởng và tài liệu chứng minh thành tích (nếu có).

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tiểu ban họp xét, đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn, hình thức khen thưởng; lập biên bản họp, báo cáo đề xuất, danh sách phạm nhân, tổ, đội phạm nhân đủ điều kiện đề nghị khen thưởng gửi Hội đồng.

6. Hội đồng họp xét trên cơ sở hồ sơ do Tiểu ban đề nghị. Khi xét đến phân trại, đơn vị hoặc tổ, đội phạm nhân nào thì đại diện Tiểu ban hoặc cán bộ phụ trách có trách nhiệm báo cáo, giải trình các nội dung thành viên Hội đồng yêu cầu làm rõ. Kết quả họp Hội đồng phải được lập thành biên bản.

7. Căn cứ kết quả họp Hội đồng, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an hoặc Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật Thi hành án hình sự.

Quyết định khen thưởng phải được lập bằng văn bản, công bố trước phạm nhân, tổ, đội phạm nhân biết, lưu vào hồ sơ phạm nhân, hồ sơ khen thưởng và cập nhật vào cơ sở dữ liệu thi hành án hình sự theo quy định.

8. Công bố quyết định và thi hành quyết định khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân:

a) Đối với khen thưởng vào dịp sơ kết phong trào thi đua chấp hành án phạt tù 06 tháng đầu năm thì tổ chức công bố vào dịp sơ kết; khen thưởng tổng kết năm thì tổ chức công bố vào dịp tổng kết;

b) Đối với khen thưởng trong hội thi, hội thao, hội diễn hoặc lập công, thì tổ chức công bố công khai quyết định trong cơ sở giam giữ phạm nhân; trường hợp vì yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước thì cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân thông báo riêng cho phạm nhân được khen thưởng;

c) Đối với thưởng hiện vật thì trao trực tiếp cho tổ, đội phạm nhân; đối với thưởng tiền thì trao tượng trưng;

d) Trường hợp phạm nhân lập công do có hành động giúp cơ quan có thẩm quyền trong phát hiện, truy bắt, đấu tranh, xử lý tội phạm thì việc công bố quyết định khen thưởng phạm nhân do Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam quyết định bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quá trình chấp hành án của phạm nhân.

9. Trường hợp trong thời gian xét khen thưởng mà phát hiện phạm nhân được đề nghị khen thưởng có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc có căn cứ xác định báo cáo thành tích không trung thực thì dừng việc xét khen thưởng đối với phạm nhân đó. Trường hợp tổ, đội phạm nhân có phạm nhân vi phạm thì Hội đồng xem xét tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi vi phạm đối với thành tích chung của tổ, đội để quyết định việc tiếp tục hoặc dừng đề nghị khen thưởng.

10. Trường hợp phát hiện quyết định khen thưởng đã ban hành không đúng quy định hoặc phạm nhân gian dối trong báo cáo thành tích thì người có thẩm quyền đã ban hành quyết định khen thưởng xem xét, hủy bỏ quyết định khen thưởng; trường hợp có dấu hiệu vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hồ sơ khen thưởng phạm nhân, tổ, đội phạm nhân

1. Hồ sơ khen thưởng cho phạm nhân, gồm:

a) Báo cáo thành tích của phạm nhân; trường hợp lập công phải trình bày trung thực, đầy đủ, chính xác tình tiết việc lập công, kèm theo đầy đủ các văn bản, tài liệu của việc lập công (trừ tài liệu chứa bí mật nhà nước theo quy định);

b) Biên bản họp tổ, đội phạm nhân kèm theo danh sách phạm nhân;

c) Báo cáo đề xuất khen thưởng phạm nhân của cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân;

d) Biên bản họp và báo cáo đề nghị của Tiểu ban kèm theo danh sách phạm nhân;

- đ) Biên bản họp Hội đồng kèm theo danh sách phạm nhân;
 - e) Quyết định khen thưởng cho phạm nhân;
 - g) Tài liệu liên quan (nếu có).
2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho tổ, đội phạm nhân, gồm:
- a) Báo cáo thành tích của tổ, đội phạm nhân;
 - b) Biên bản họp đề nghị của tổ, đội phạm nhân;
 - c) Biên bản họp và báo cáo đề nghị của Tiểu ban kèm theo danh sách tổ, đội phạm nhân;
 - d) Biên bản họp Hội đồng kèm theo danh sách tổ, đội phạm nhân;
 - đ) Quyết định khen thưởng cho tổ, đội phạm nhân (quyết định của từng tổ, đội phạm nhân);
 - e) Tài liệu liên quan (nếu có).

Chương III

XỬ LÝ PHẠM NHÂN VI PHẠM

Điều 9. Trình tự, thủ tục xử lý phạm nhân vi phạm

1. Khi phát hiện phạm nhân vi phạm, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân hoặc cán bộ có trách nhiệm kịp thời báo cáo lãnh đạo phụ trách và lập biên bản về hành vi vi phạm của phạm nhân; lập biên bản thu giữ, niêm phong tang vật (nếu có) theo quy định.

2. Cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân lấy lời khai của phạm nhân vi phạm, yêu cầu phạm nhân vi phạm viết bản kiểm điểm về việc vi phạm; trường hợp phạm nhân chống đối không viết kiểm điểm, không ký biên bản thì người biết vụ việc viết tường trình, ký biên bản với tư cách người làm chứng.

3. Cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân có phạm nhân vi phạm tổ chức họp kiểm điểm với các nội dung sau:

a) Phạm nhân kiểm điểm về hành vi vi phạm của bản thân và tự nhận hình thức xử lý vi phạm;

b) Tổ, đội phạm nhân thảo luận tham gia ý kiến về hành vi vi phạm; trường hợp tổ, đội có từ 03 phạm nhân trở lên thì bảo đảm có ý kiến của ít nhất 03 phạm nhân (trừ trường hợp không đủ số phạm nhân tham dự) và đề nghị hình thức xử lý vi phạm;

c) Tổ, đội phạm nhân biểu quyết bằng hình thức giơ tay.

4. Đối với trại giam, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân hoàn thiện hồ sơ chuyển về Tổ giáo dục, y tế và bảo vệ môi trường phân trại để tập hợp chuyển Đội Giáo dục và hồ sơ rà soát, kiểm tra, phối hợp với Đội Trinh sát, Đội quản giáo để báo cáo, đề xuất Giám thị xem xét, quyết định xử lý phạm nhân vi phạm.

Trường hợp Giám thị trại giam ủy quyền cho Phó Giám thị trại giam phụ trách phân trại quyết định xử lý phạm nhân vi phạm thì chuyển hồ sơ cho Tổ giáo dục, y tế và bảo vệ môi trường kiểm tra phối hợp với Tổ trinh sát, Tổ quản giáo để báo cáo Trưởng phân trại xem xét, đề xuất Phó Giám thị trại giam xem xét, quyết định xử lý phạm nhân vi phạm.

Đối với trại tạm giam thuộc Bộ Công an, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân hoàn thiện hồ sơ chuyển hồ sơ về Đội Tham mưu báo cáo, đề xuất Giám thị trại tạm giam xem xét, quyết định xử lý phạm nhân vi phạm.

Đối với trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân hoàn thiện hồ sơ chuyển hồ sơ về Đội Tham mưu - Hậu cần để báo cáo, đề xuất Giám thị trại tạm giam xem xét, quyết định xử lý phạm nhân vi phạm; đối với phân trại tạm giam, cán bộ phụ trách phạm nhân, tổ, đội phạm nhân chuyển hồ sơ cho Trưởng phân trại tạm giam để đề xuất Phó Giám thị phụ trách xem xét, quyết định xử lý phạm nhân vi phạm khi được Giám thị trại tạm giam ủy quyền bằng văn bản.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm; trường hợp vụ việc phức tạp hoặc liên quan nhiều phạm nhân thì không quá 07 ngày làm việc, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam phải xem xét, quyết định kỷ luật hoặc áp dụng hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không xử lý kỷ luật thì áp dụng một trong các hình thức xử lý khác quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 170/2026/NĐ-CP.

6. Trường hợp để bảo đảm kịp thời xử lý phạm nhân vi phạm và bảo đảm quyền lợi của phạm nhân, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam phân công hoặc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Giám thị trại giam, Phó Giám thị trại tạm giam quyết định việc xử lý kỷ luật phạm nhân; quyết định công nhận phạm nhân đã cải tạo tiến bộ; gia hạn thời gian theo dõi, thử thách; cho ra khỏi buồng kỷ luật; tiếp tục thi hành quyết định kỷ luật; hoãn, miễn thi hành giam tại buồng kỷ luật; thay đổi hình thức kỷ luật đối với phạm nhân.

Điều 10. Trình tự thi hành quyết định kỷ luật

1. Ngay sau khi có quyết định kỷ luật phạm nhân, cán bộ giáo dục của cơ sở giam giữ phạm nhân tổ chức công bố công khai quyết định đối với phạm nhân bị kỷ luật trước tổ, đội phạm nhân hoặc khu giam phạm nhân, thông báo trên hệ thống thông tin hoặc bảng tin của cơ sở giam giữ phạm nhân.

2. Đối với hình thức giam tại buồng kỷ luật, trước khi đưa phạm nhân vào và sau khi đưa phạm nhân ra khỏi buồng kỷ luật, cán bộ y tế cơ sở giam giữ phạm nhân phải khám và lập phiếu khám sức khỏe cho phạm nhân.

Khi hết thời gian giam tại buồng kỷ luật, phạm nhân được ra khỏi buồng kỷ luật, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân cho phạm nhân viết cam kết không vi phạm Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân.

3. Chưa thi hành quyết định giam tại buồng kỷ luật đối với phạm nhân bị bệnh hoặc sức khỏe yếu có xác nhận của y tế cơ sở giam giữ phạm nhân về việc không đủ sức khỏe để thi hành quyết định kỷ luật; phạm nhân nữ có thai; phạm nhân có con dưới 12 tháng tuổi đang ở cùng mẹ trong trại giam. Phạm nhân phải thi hành quyết định kỷ luật giam tại buồng kỷ luật ngay sau khi hết lý do chưa thi hành kỷ luật.

Trong thời gian chưa thi hành giam tại buồng kỷ luật, nếu phạm nhân đã nhận rõ sai phạm, ăn năn hối cải, quyết tâm sửa chữa lỗi lầm, cải tạo tiến bộ hoặc lập công thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam xem xét thay đổi hình thức kỷ luật hoặc không tiếp tục thi hành quyết định kỷ luật theo quy định của Nghị định số 170/2026/NĐ-CP.

Điều 11. Trình tự, thủ tục công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ

1. Việc công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 33 Nghị định số 170/2026/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi hết thời hạn theo dõi, thử thách, nếu phạm nhân đủ điều kiện được công nhận đã cải tạo tiến bộ, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Cho phạm nhân viết đơn đề nghị đề nghị được công nhận đã cải tạo tiến bộ và cam kết không tái phạm;

b) Tổ chức họp tổ, đội phạm nhân để phạm nhân vi phạm tự kiểm điểm; tổ, đội phạm nhân thảo luận, tham gia ý kiến về việc đề nghị công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ;

c) Hoàn thiện hồ sơ chuyên về bộ phận giáo dục phân trại để tập hợp chuyển Đội Giáo dục và hồ sơ rà soát, kiểm tra, phối hợp với Đội Trinh sát, Đội Quản giáo để đề xuất Giám thị trại giam xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày hết thời gian theo dõi, thử thách Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam ra quyết định công nhận phạm nhân đã cải tạo tiến bộ.

4. Trưởng phân trại đề xuất Phó Giám thị được ủy quyền xem xét, quyết định công nhận đã cải tạo tiến bộ cho phạm nhân. Trường hợp Phó Giám thị được ủy quyền xem xét, quyết định công nhận đã cải tạo tiến bộ cho phạm nhân thì sau đó chuyển quyết định về Đội Giáo dục và hồ sơ để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Giám thị.

5. Đối với trại tạm giam thuộc Bộ Công an, cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân chuyển hồ sơ về Đội Tham mưu để báo cáo, đề xuất Giám thị trại tạm giam xem xét, quyết định công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ.

Đối với trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, cán bộ phụ trách phạm nhân, tổ, đội phạm nhân chuyển hồ sơ về Đội Tham mưu - Hậu cần để báo cáo, đề xuất Giám thị trại tạm giam xem xét, quyết định công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ.

6. Trường hợp phạm nhân chưa được công nhận đã cải tạo tiến bộ mà có hành vi vi phạm nhưng không xử lý kỷ luật, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi hết hạn theo dõi, thử thách, cán bộ phụ trách phạm nhân, tổ, đội phạm nhân cho phạm nhân viết kiểm điểm và tổ chức họp tổ, đội phạm nhân (phạm nhân vi phạm tự kiểm điểm; tổ, đội phạm nhân thảo luận, đề nghị kéo dài thời gian theo dõi, thử thách theo quy định của Nghị định số 170/2026/NĐ-CP) và thực hiện trình tự, thủ tục như các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

7. Trường hợp phạm nhân chưa hết thời gian theo dõi, thử thách công nhận đã cải tạo tiến bộ mà có quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc trích xuất để điều tra, truy tố, xét xử thì khi phạm nhân quay trở lại trại giam chấp hành án phạt tù trại giam căn cứ vào đánh giá nhận xét của nơi tiếp nhận phạm nhân tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc trích xuất và thời gian theo dõi, thử thách để xét công nhận cải tạo tiến bộ cho phạm nhân.

Điều 12. Hồ sơ xử lý phạm nhân vi phạm; công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ

1. Hồ sơ xử lý phạm nhân vi phạm gồm:
 - a) Biên bản về việc phạm nhân vi phạm;
 - b) Bản kiểm điểm của phạm nhân về hành vi vi phạm;
 - c) Báo cáo tường trình của phạm nhân chứng kiến hoặc người biết vụ việc (nếu có);
 - d) Phiếu khám sức khỏe (nếu có);
 - đ) Biên bản ghi lời khai;
 - e) Biên bản họp tổ, đội phạm nhân đề nghị xử lý phạm nhân vi phạm;
 - g) Biên bản thu giữ đồ vật cấm, tang vật (nếu có);
 - h) Báo cáo đề nghị xử lý phạm nhân vi phạm của cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân hoặc cán bộ có trách nhiệm;
 - i) Báo cáo đề nghị kỷ luật phạm nhân của Đội trưởng Đội Giáo dục và hồ sơ, Trưởng phân trại, Đội trưởng Đội quản lý và giáo dục phạm nhân, Đội trưởng Đội Tham mưu hoặc Đội trưởng Đội Tham mưu - Hậu cần;
 - k) Quyết định kỷ luật phạm nhân (đối với quyết định giam tại buồng kỷ luật phải kèm theo phiếu khám sức khỏe phạm nhân trước khi đưa vào và sau khi đưa ra khỏi buồng kỷ luật) và các quyết định: Quyết định thay đổi hình thức kỷ luật; Quyết định hủy Quyết định kỷ luật; Quyết định cho ra khỏi buồng kỷ luật trước thời hạn; Quyết định miễn thi hành giam tại buồng kỷ luật; Quyết định tiếp tục thi hành giam tại buồng kỷ luật (nếu có);
 - l) Tài liệu khác liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ gồm:

- a) Đơn đề nghị công nhận đã cải tạo tiến bộ của phạm nhân;
- b) Biên bản họp tổ, đội phạm nhân đề nghị công nhận phạm nhân đã cải tạo tiến bộ, kèm theo quyết định khen thưởng hoặc lập công (nếu có);
- c) Bản cam kết không tái phạm của phạm nhân;
- d) Báo cáo đề nghị công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ của cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân có ý kiến của chỉ huy phân trại hoặc chỉ huy cấp đội;
- đ) Báo cáo đề nghị công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ của Đội trưởng Đội Giáo dục và hồ sơ, Trưởng phân trại, Đội trưởng Đội quản lý và giáo dục phạm nhân, Đội trưởng Đội Tham mưu hoặc Đội trưởng Đội Tham mưu - Hậu cần;
- e) Quyết định công nhận phạm nhân vi phạm đã cải tạo tiến bộ;
- g) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Điều 13. Hồ sơ vụ việc phạm nhân vi phạm chưa đến mức xử lý kỷ luật

1. Biên bản phạm nhân vi phạm.
2. Bản kiểm điểm của phạm nhân về hành vi vi phạm.
3. Biên bản họp tổ, đội phạm nhân đề nghị không xử lý kỷ luật và đề nghị hình thức xử lý khác (hạ mức xếp loại chấp hành án phạt tù; tổ chức giáo dục, nhắc nhở phạm nhân).
4. Báo cáo đề nghị không kỷ luật phạm nhân vi phạm của cán bộ phụ trách tổ, đội phạm nhân, cán bộ có trách nhiệm, có xác nhận của chỉ huy phân trại hoặc chỉ huy cấp đội. Trong đó nêu rõ các tình tiết giảm nhẹ hoặc lập công theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 170/2026/NĐ-CP.
5. Báo cáo đề nghị không xử lý kỷ luật phạm nhân vi phạm của Đội trưởng Đội Giáo dục và hồ sơ, Trưởng phân trại, Đội trưởng Đội quản lý và giáo dục phạm nhân, Đội trưởng Đội Tham mưu hoặc Đội trưởng Đội Tham mưu - Hậu cần và đề nghị hạ mức xếp loại chấp hành án phạt tù của phạm nhân vi phạm hoặc tổ chức giáo dục, nhắc nhở phạm nhân.
6. Quyết định áp dụng hình thức xử lý khác theo khoản 3 Điều 30 Nghị định số 170/2026/NĐ-CP.
7. Bản cam kết không tái phạm của phạm nhân vi phạm.
8. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng) để được hướng dẫn. ky

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc cơ quan Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Lưu: VT; V03; C10.



Đại tướng Lương Tam Quang